

Số: 2363/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 01 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ xác định giá khởi điểm
để đấu giá quyền sử dụng đất tại các khu quy hoạch dân cư
trên địa bàn thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 831/TTr-STNMT ngày 29/8/2017; kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể tỉnh tại Thông báo số 3207/HĐTĐ ngày 28/8/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất tại các khu quy hoạch dân cư trên địa bàn thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La, cụ thể như sau:

1. Dự án khu dân cư Sang Luông, tổ 14, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La

STT	Số thửa	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)
A	Khu phân lô liền kề	
I	Vị trí 1 đường quy hoạch 6m - Khu quy hoạch dân cư Sang Luông, tổ 14, phường Quyết Thắng (lô thường hướng ra phía đường Lê Đức Thọ)	
	LK-01	
1	Thửa số 1	4.000.000

STT	Số thửa	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)
2	Thửa số 2	4.000.000
3	Thửa số 3	4.000.000
4	Thửa số 4	4.000.000
5	Thửa số 5	4.000.000
6	Thửa số 6	4.000.000
7	Thửa số 7	4.000.000
8	Thửa số 8	4.000.000
9	Thửa số 9	4.000.000
	LK-02	
10	Thửa số 2	4.000.000
11	Thửa số 3	4.000.000
12	Thửa số 4	4.000.000
13	Thửa số 5	4.000.000
14	Thửa số 6	4.000.000
15	Thửa số 7	4.000.000
16	Thửa số 8	4.000.000
17	Thửa số 9	4.000.000
18	Thửa số 10	4.000.000
19	Thửa số 11	4.000.000
20	Thửa số 12	4.000.000
21	Thửa số 13	4.000.000
22	Thửa số 14	4.000.000
II	Vị trí 1 đường quy hoạch 6m - Khu quy hoạch dân cư Sang Luông, tổ 14, phường Quyết Thắng (lô thường, hướng vào phía đồi)	
	LK-01	
1	Thửa số 12	3.600.000
2	Thửa số 13	3.600.000
3	Thửa số 14	3.600.000
4	Thửa số 15	3.600.000
5	Thửa số 16	3.600.000
6	Thửa số 17	3.600.000
7	Thửa số 18	3.600.000
8	Thửa số 19	3.600.000
9	Thửa số 20	3.600.000

STT	Số thửa	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)
	LK-02	
10	Thửa số 22	3.600.000
11	Thửa số 23	3.600.000
12	Thửa số 24	3.600.000
13	Thửa số 25	3.600.000
14	Thửa số 26	3.600.000
15	Thửa số 27	3.600.000
16	Thửa số 28	3.600.000
17	Thửa số 29	3.600.000
18	Thửa số 30	3.600.000
19	Thửa số 31	3.600.000
20	Thửa số 32	3.600.000
21	Thửa số 33	3.600.000
22	Thửa số 34	3.600.000
23	Thửa số 35	3.600.000
III	Vị trí 1 đường quy hoạch 6m - Khu quy hoạch dân cư Sang Luông, tổ 14, phường Quyết Thắng (lô góc)	
	LK-01	
1	Thửa số 10	4.200.000
2	Thửa số 11	4.200.000
	LK-02	
3	Thửa số 1	4.200.000
4	Thửa số 36	4.200.000
IV	Vị trí 1 đường quy hoạch 16,5m - Khu quy hoạch dân cư Sang Luông, tổ 14, phường Quyết Thắng - Vận dụng tương đương đường quy hoạch 7,5m (lô thường)	
	LK-02	
1	Thửa số 16	5.000.000
2	Thửa số 17	5.000.000
3	Thửa số 18	5.000.000
4	Thửa số 19	5.000.000
5	Thửa số 20	5.000.000

STT	Số thửa	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)
V	Vị trí 1 đường quy hoạch 16,5m - Khu quy hoạch dân cư Sang Luông, tổ 14, phường Quyết Thắng - Vận dụng tương đương đường quy hoạch 7,5m (Lô góc)	
	LK-02	
1	Thửa số 15	5.500.000
2	Thửa số 21	5.500.000
B	Thửa đất DO (giáp đôi)	
I	Vị trí 1 đường quy hoạch 5,5m - Khu quy hoạch dân cư Sang Luông, tổ 14, phường Quyết Thắng - Vận dụng tương đương đường nhánh có mặt đường rộng từ 2,5m trở lên nội thành phố (đường đổ bê tông hoặc đường nhựa dải nhựa)	
1	Thửa đất DO	1.537.500

2. Thửa đất D11, khu dân cư Sang Luông, tổ 14, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La

STT	Số thửa	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)
I	Vị trí 1 đường Lê Đức Thọ, đoạn từ hết Công ty Dầu tầm tơ đến hết dốc đá Huổi Hin	
1	Thửa D11, khu dân cư Sang Luông	11.300.000

3. Dự án khu dân cư bản Mé Ban, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La

STT	Số thửa	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)
I	Vị trí 1 đường quy hoạch 16,5m - Khu dân cư bản Mé Ban, phường Chiềng Cơi (lô thường)	
	OC28	
1	Thửa số 2	20.300.000
2	Thửa số 3	20.300.000
3	Thửa số 4	20.300.000
4	Thửa số 5	20.300.000
5	Thửa số 6	20.300.000
6	Thửa số 7	20.300.000
7	Thửa số 8	20.300.000
8	Thửa số 9	20.300.000
9	Thửa số 10	20.300.000

STT	Số thửa	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)
10	Thửa số 11	20.300.000
11	Thửa số 12	20.300.000
12	Thửa số 13	20.300.000
13	Thửa số 14	20.300.000
14	Thửa số 15	20.300.000
15	Thửa số 16	20.300.000
16	Thửa số 17	20.300.000
17	Thửa số 18	20.300.000
18	Thửa số 19	20.300.000
19	Thửa số 20	20.300.000
20	Thửa số 21	20.300.000
II	Vị trí 1 đường quy hoạch 16,5m - Khu dân cư bản Mé Ban, phường Chiềng Cơi (lô góc)	
	OC28	
1	Thửa số 1	21.100.000
III	Vị trí 1 đường nhánh có mặt đường rộng 25m - Vận dụng tương đương đường quy hoạch 16,5m, khu dân cư bản Mé Ban, phường Chiềng Cơi (lô góc)	
	OC28	
1	Thửa số 22	24.900.000
2	Thửa số 23	24.900.000
IV	Vị trí 1 đường quy hoạch 9m - Khu dân cư bản Mé Ban, phường Chiềng Cơi (lô thường)	
	OC28	
1	Thửa số 24	15.000.000
2	Thửa số 25	15.000.000
3	Thửa số 26	15.000.000
4	Thửa số 27	15.000.000
5	Thửa số 28	15.000.000
6	Thửa số 29	15.000.000
7	Thửa số 30	15.000.000
8	Thửa số 31	15.000.000
9	Thửa số 32	15.000.000
10	Thửa số 33	15.000.000
11	Thửa số 34	15.000.000
12	Thửa số 35	15.000.000

STT	Số thửa	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)
13	Thửa số 36	15.000.000
14	Thửa số 37	15.000.000
15	Thửa số 38	15.000.000
16	Thửa số 39	15.000.000
17	Thửa số 40	15.000.000
18	Thửa số 41	15.000.000
19	Thửa số 42	15.000.000
20	Thửa số 43	15.000.000
V	Vị trí 1 đường quy hoạch 9m - Khu dân cư bản Mé Ban, phường Chiềng Cơi (lô góc)	
	OC28	
1	Thửa số 44	15.900.000

4. Dự án khu quy hoạch dân cư Trung tâm hành chính – Văn hóa Phật giáo Sơn La

STT	Số thửa	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)
I	Vị trí 1 đường quy hoạch 7,5m - Khu quy hoạch dân cư Trung tâm hành chính - Văn hóa Phật giáo Sơn La (lô thường OT-02, mặt tiền 5m)	
	OT-02	
1	Thửa số 6	4.900.000
2	Thửa số 7	4.900.000
3	Thửa số 8	4.900.000
4	Thửa số 9	4.900.000
5	Thửa số 10	4.900.000
6	Thửa số 11	4.900.000
II	Vị trí 1 đường quy hoạch 7m - Khu quy hoạch dân cư Trung tâm hành chính - Văn hóa Phật giáo Sơn La (lô thường OT-07, mặt tiền 7m)	
	OT-07	
1	Thửa số 9	5.100.000
2	Thửa số 10	5.100.000
3	Thửa số 11	5.100.000
4	Thửa số 12	5.100.000
5	Thửa số 13	5.100.000

STT	Số thửa	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)
6	Thửa số 14	5.100.000
III	Vị trí 1 đường quy hoạch 9,5m - Khu quy hoạch dân cư Trung tâm hành chính - Văn hóa Phật giáo Sơn La (lô góc)	
	OT-07	
1	Thửa số 8	5.400.000

Điều 2. Giao UBND thành phố Sơn La căn cứ giá đất cụ thể tại Điều 1 Quyết định này, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Sơn La; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. / *jt*

Nơi nhận:

- TT tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh; (báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hải